ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG VĂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 107 /UBND-NV V/v tham gia ý kiến vào kết quả tổng hợp điểm đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính các xã, thị trấn năm 2021	*Đồng Văn, ngày 19 tháng 01 năm 2022*

Kính gửi:
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Phòng Tư Pháp;
- Phòng Tài chính Kế hoạch;
- Phòng Văn hóa và Thông tin.

Căn cứ Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND huyện Đồng Văn về Ban hành quy định đánh giá kết quả cải cách hành chính các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đồng Văn;

Căn cứ kết quả thẩm định sơ bộ điểm đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính các xã, thị trấn năm 2021 của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính cấp xã.

Chủ tịch UBND huyện đề nghị Thủ trưởng các cơ quan phụ trách các trục nội dung của công tác cải cách hành chính thực hiện nội dung sau:

1. Tham gia ý kiến vào kết quả tổng hợp sơ bộ điểm đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính các xã, thị trấn năm 2021.

(Có biểu tổng hợp điểm đánh giá xếp loại công tác cải cách hành chính các xã, thị trấn năm 2021 kèm theo)

2. Các cơ quan tham gia ý kiến bằng văn bản gửi về UBND huyện *(qua Phòng Nội vụ)* trước ngày **21/01/2022** để tổng hợp công bố chỉ số CCHC các xã, thị trấn năm 2021.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr UBND huyện;
- Lưu: VT. PNV.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Xuân Cương

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2021

Số TT	Tên xã, thị trấn	Công tác chỉ đạo điều hành (điểm tối đa 22)	Cải cách thể chế (điểm tối đa 5)	Cải cách thủ tục hành chính (điểm tối đa 13)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (điểm tối đa 6)	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã (điểm tối đa 18)	Cải cách cơ chế quản lý tài chính công (điểm tối đa 13)	Hiện đại hóa công tác quản lý hành chính (điểm tối đa 12)	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (điểm tối đa 11)	Tổng điểm nội dung qua thẩm định	Điểm điều tra xã hội học (điểm tối đa 25)	Tổng điểm công tác cải cách hành chính	Xếp loại
1	Má Lé	11,25	5,0	5,52	3,0	10,0	6,0	11,9	1,0	53,67	25	78,67	Khá
2	Phố Là	10,75	5,0	4,06	4,0	11,0	7,0	8,82	0,5	51,13	25	76,13	Khá
3	Sà Phìn	11,25	5,0	4,28	4,0	11,0	6,0	8,0	0,5	50,03	25	75,03	Khá
4	Lũng Cú	11,0	5,0	3,65	4,0	10,5	7,0	4,86	3,0	49,01	24,25	73,26	Khá
5	Hố Quáng Phìn	11,0	5,0	4,55	4,0	11,0	7,0	6,5	0	49,05	23,75	72,8	Khá
6	Thị trấn Phố Bảng	9,75	4,0	6,34	1,0	11,0	6,5	8,8	0	47,39	25	72,39	Khá
7	Thị trấn Đồng Văn	8,75	5,0	5,0	1,0	7,0	6,49	8,9	5,0	47,14	25	72,14	Khá
8	Sủng Trái	10,5	5,0	5,06	4,0	10,5	7,0	4,2	1,0	47,26	24,75	72,01	Khá
9	Sủng Là	7,75	4,75	4,52	1,0	11,0	7,0	8,5	1,0	45,52	25	70,52	Khá
10	Lũng Phìn	9,75	5,0	3,31	1,0	9,0	7,0	8,48	1,0	44,54	25	69,54	Khá
11	Lũng Thầu	10,5	4,0	4,97	3,0	9,0	4,5	8,0	0	43,97	25	68,97	Khá
12	Tả Lủng	9,25	4,0	4,34	3,0	10,25	6,0	6,2	0,5	43,54	25	68,54	Khá
13	Lũng Táo	8,75	5,0	6,24	1,0	11,0	6,5	6,8	0,5	45,79	21,5	67,29	Khá
14	Phố Cáo	8,25	5,0	4,1	1,0	11,0	5,5	8,75	0	43,6	23,5	67,1	Khá
15	Vần Chải	6,7	5,0	5,44	2,0	10,25	6,0	5,2	1,5	42,09	25	67,09	Khá
16	Sính Lủng	8,0	5,0	4,78	2,0	10,25	6,0	5,1	1,0	42,13	24,75	66,88	Khá
17	Tả Phìn	5,25	4,5	4,37	2,0	10,25	6,0	6,8	0	39,17	25	64,17	TB
18	Sảng Tủng	4,0	5,0	4,92	3,0	11,0	5,0	5,9	0	38,82	25	63,82	TB
19	Thài Phìn Tủng	4,5	5,0	4,09	2,0	9,75	7,0	4,8	0	37,14	24,5	61,64	TB